HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 09/ 2006/ NQ - HĐND	*Văn Bàn, ngày 26 tháng 12 năm 2006*

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê chuẩn điều chỉnh nhiệm vụ thu – chi ngân sách huyện 6 tháng cuối năm 2006

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước (sửa đổi, bổ sung) đã được Quốc hội thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23/6/2003 của Chính Phủ ban hành quy chế xem xét quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn ngân sách địa phương;

Căn cứ Quy chế hoạt động HĐND các cấp ban hành ngày 02/4/2005;

Căn cứ báo cáo thẩm tra số 100/BC-KTXH ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Ban kinh tế xã hội – HĐND huyện;

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 793/TTr-UBND ngày 20/12/2006 của UBND huyện về việc đề nghị điều chỉnh bổ sung nhiệm vụ thu - chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2006 và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu HĐND huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí tờ trình số 793/TTr-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2006 của UBND huyện trình tại kỳ họp thư 7 HĐND huyện khoá XVIII, về việc điều chỉnh nhiệm vụ thu – chi ngân sách huyện Văn Bàn 6 tháng cuối năm 2006 nội dung cụ thể sau đây:

I/ Phần thu:

1. Tổng thu NSNN trên địa bàn	11.295.000.000 đồng
+ Kế hoạch giao đầu năm	11.176.000.000 đồng
+ Bổ sung thu ngân sách 6 tháng cuối năm	119.000.000 đồng

2. Thu ngân sách huyện	75.875.000.000 đồng
+ Kế hoạch giao đầu năm	65.416.000.000 đồng
+ Bổ sung 6 tháng cuối năm	4.590.000.000 đồng
+ Thu ngân sách 6 tháng cuối năm	5.869.000.000 đồng

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

II/ Phần chi ngân sách:

- Tổng chi ngân sách huyện	74.542.038.109 đồng
+ Kế hoạch đầu năm	65.416.000.000 đồng
+ Bổ sung 6 tháng đầu năm	1.523.600.000 đồng
+ Bổ sung chi 6 tháng cuối năm	7.602.438.109 đồng

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. HĐND huyện giao cho UBND huyện có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện hoàn tất thủ tục hồ sơ điều chỉnh thu, chi ngân sách huyện Văn Bàn 6 tháng cuối năm 2006theo đúng Luật Ngân sách quy định và chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

Giao cho thường trực HĐND, các ban HĐND, các tổ đại biểu và các đại biểu HĐND huyện có trách nhiệm kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được kỳ họp thứ 7 HĐND huyện khoá XVIII thông qua ngày 26/12/2006./.

CHỦ TỊCH

Hà Kim Tam

Phụ biểu

(Kèm theo Nghị quyết số: 09/2006/NQ-HĐND ngày 26/12/2006 của HĐND huyện Văn Bàn)

A- Phần thu	
I- Tổng thu trên địa bàn năm 2006	**11.295.000.000 đồng**
Trong đó	
- Kế hoạch giao đầu năm	11.176.000.000 đồng
- Bổ sung tăng thu ngân sách 6 tháng cuối năm	119.000.000 đồng
II- Thu ngân sách huyện năm 2006	**75.875.000.000 đồng**
Trong đó	
- Kế hoạch giao đầu năm	65.416.000.000 đồng
- Bổ sung thu ngân sách 6 tháng đầu năm	4.590.000.000 đồng
- Bổ sung thu 6 tháng cuối năm	5.869.000.000 đồng
(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)	
B- Chi ngân sách huyện năm 2006	**74.542.038.109 đồng**
I- Kế hoạch giao đầu năm	**65.416.000.000 đồng**
II- Bổ sung 6 tháng đầu năm	**1.523.600.000 đồng**
III- Bổ sung 6 tháng cuối năm (1-2)	**7.602.438.109 đồng**
Trong đó	

1- Điều chỉnh tăng chi ngân sách 6 tháng cuối năm	**15.101.538.109 đồng**
a) Điều chỉnh tăng chi khác ngân sách huyện	2.371.300.000 đồng
b) Điều chỉnh tăng chi thường xuyên của các sự nghiệp	9.955.405.000 đồng
- Sự nghiệp Văn hoá	52.900.000 đồng
- Sự nghiệp Truyền thanh - Truyền hình	53.100.000 đồng
- Sự nghiệp Nông lâm	36.600.000 đồng
- Sự nghiệp khác	73.100.000 đồng
- Quản lý Hành chính	950.000.000 đồng
- Sự nghiệp Giáo dục	7.852.500.000 đồng
- Sự nghiệp Đào tạo	30.300.000 đồng
- Sự nghiệp Y tế	577.700.000 đồng
- Đảm bảo xã hội	203.205.000 đồng
- An ninh - Quốc phòng	30.000.000 đồng
- Chi hỗ trợ khác	96.000.000 đồng
c) Điều chỉnh tăng chi từ nguồn tiền sử dụng đất	2.605.033.000 đồng
d) Điều chỉnh tăng chi ngân sách cấp xã	78.800.000 đồng
2- Đề nghị điều chỉnh giảm chi ngân sách 6 tháng cuối năm	**7.408.100.000 đồng**
a) Ngân sách xã	2.371.300.000 đồng
- Điều chỉnh giảm chi khác ngân sách xã	2.371.300.000 đồng
b) Ngân sách huyện	5.036.800.000 đồng
- Điều chỉnh giảm chi khác ngân sách huyện	4.139.200.000 đồng
- Điều chỉnh giảm chi dự phòng ngân sách huyện	897.600.000 đồng
(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)	

PHỤ BIỂU

(Kèm theo Nghị quyết số: 09/2006/NQ-HĐND ngày 26/12/2006)

A- THU NGÂN SÁCH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	**Chỉ tiêu**	**Dự toán huyện giao đầu năm**	**Số điều chỉnh 6 tháng cuối năm**	**Số đề nghị HĐND điều chỉnh**	**Tổng số**	**Ghi chú**
A	**Tổng thu ngân sách trên địa bàn**	**11.176**	**11.176**	**119**	**11.295**	
I	**Thu cân đối ngân sách Nhà nước**	**9.006**	**9.006**	**119**	**9.125**	
1	**Thu từ doanh nghiệp Trung ương QL**					
	- Thuế VAT					
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp					
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt					
	- Thuế sử dụng vốn ngân sách					

	- Thuế môn bài					
	- Thuế tài nguyên					
	- Thu khác					
2	**Thu từ DNĐP & DN có vốn ĐTNN**	**2.770**	**2.770**	**- 170**	**2.600**	
	- Thuế VAT	1.198	1.198	-20	1.178	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	70	70		70	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt					
	- Thuế sử dụng vốn ngân sách					
	- Thuế môn bài	2	2		2	
	- Thuế tài nguyên	1.500	1.500	-150	1.350	
	- Thu khác					
3	**Thu từ khu vực ngoài quốc doanh**	**1.950**	**1.950**	**650**	**2.600**	
	- Thuế VAT	1.020	1.020	530	1.550	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	450	450	50	500	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt					
	- Thuế môn bài	140	140		140	
	- Thuế tài nguyên	330	330	70	400	
	- Thu khác	10	10		10	
a	Trong đó họ cá thể	1132	1132	170	1302	
	- Thuế VAT	333	333	50	383	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	372	372	50	422	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt					
	- Thuế môn bài	97	97		97	
	- Thuế tài nguyên	320	320	70	390	
	- Thu khác	10	10		10	
b	Trong đó doanh nghiệp	818	818	480	1.289	
	- Thuế VAT	687	687	480	1.167	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	78	78		78	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt					
	- Thuế môn bài	43	43		43	
	- Thuế tài nguyên	10	10		10	
	- Thu khác					
	- XDCB tỉnh chuyển huyện					
4	**Lệ phí trước bạ nhà đất**	**80**	**80**	**-30**	**50**	
5	**Thuế nhà đất**	**120**	**120**		**120**	
6	**Thuế sử dụng đất nông nghiệp**					
7	**Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao**					
8	**Thu phí, lệ phí**	**300**	**300**	**80**	**380**	
	- Phí và lệ phí trung ương	45	45	17	62	
	- Phí và lệ phí tỉnh	25	25	30	55	
	- Phí và lệ phí huyện	107	107	10	117	
	- Phí và lệ phí xã, thị trấn	123	123	23	146	
9	**Thuế chuyển quyền sử dụng đất**	**70**	**70**		**70**	
10	**Thu tiền sử dụng đất**	**3.126**	**3.126**	**-526**	**2.600**	
11	**Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước**	**60**	**60**		**60**	
12	**Tiền bán nhà thuộc SHNN**					
13	**Tiền thuê nhà thuộc SHNN**	**90**	**90**	**35**	**125**	

14	**Thuế thu nhập cá nhân**					
15	**Thu khác tại xã**	**140**	**140**		**140**	
16	**Thu khác ngân sách**	**300**	**300**	**80**	**380**	
II	**Thu vay cơ sở hạ tầng**					
III	**Thu từ hoạt động XNK**					
B	**THU ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA NSNN**	**2.170**	**2.170**		**2.170**	
	- Học phí	444	444		444	
	- Viện phí	250	250		250	
	- An ninh quốc phòng	133	133		133	
	- Lao động công ích	1.343	1.343		1.343	
	- Các khoản đóng góp khác					
	TỔNG THU NS HUYỆN	**65.417**	**70.007**	**5.868**	**75.875**	
A	**THU CÂN ĐỐI NSĐP**	**63.247**	**67.837**	**5.868**	**73.705**	
1	**Các khoản thu 100%**	**750**	**750**	**43**	**793**	
2	**Các khoản thu theo tỷ lệ %**	**3.551**	**3.551**	**428**	**3.979**	
	- Giữa NSTW và NSĐP	2.840	2.840	758	3.298	
	- Giữa NS tỉnh, huyện, xã	711	711	-30	681	
3	**Thu để lại đầu tư theo NQQH**	**3.126**	**3.126**	**-526**	**2.600**	
4	**Thu bổ sung từ NS tỉnh**	**55.820**	**55.820**	**5.923**	**61.743**	
	- Thu BS có tính chất XDCB	1.270	1.270	200	1.470	
	- Thu BS thường xuyên	54.550	54.550	5.723	60.273	
5	**Thu kết dư ngân sách**		**4.590**		**4.590**	
B	**THU ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA NSNN**	**2.170**	**2.170**		**2.170**	